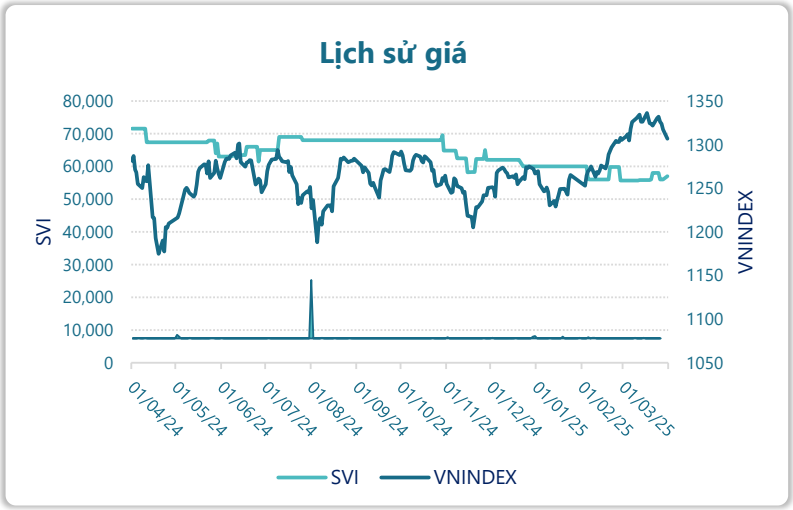
FireAnt

CTCP Bao bì Biên Hòa (HSX: SVI)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**57,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	71,560
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	55,700
SL cổ phiếu LH	12,832,437
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40
% sở hữu nước ngoài	94.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	731
P/E	10.5
EPS	5,435

DT thuần

Q1/25

355

tỷ VNĐ

QoQ: ▼66.0| -15.6%

YoY: ▼2.00| -0.4%

LN sau thuế

Q1/25

14.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.0| -46.9%

YoY: ▼6.20| -29.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.8%

+/- YoY: ▼ 4.6%

DT thuần

2024

1,506

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.00| 0.0%

LN sau thuế

2024

75.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼56.1| -42.7%

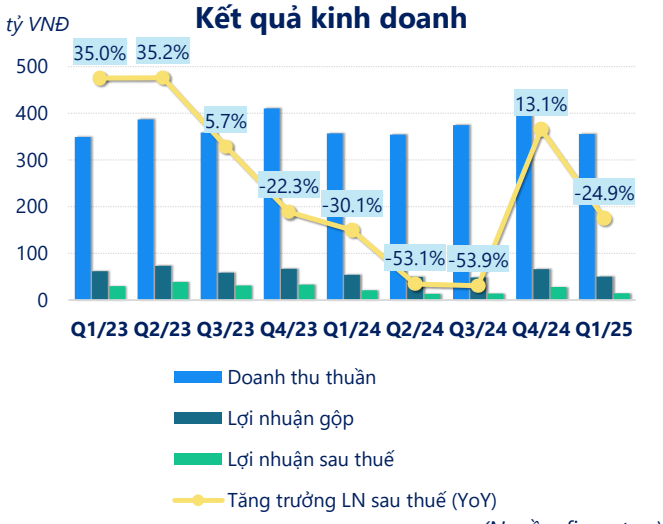
ROE

2024

8.9%

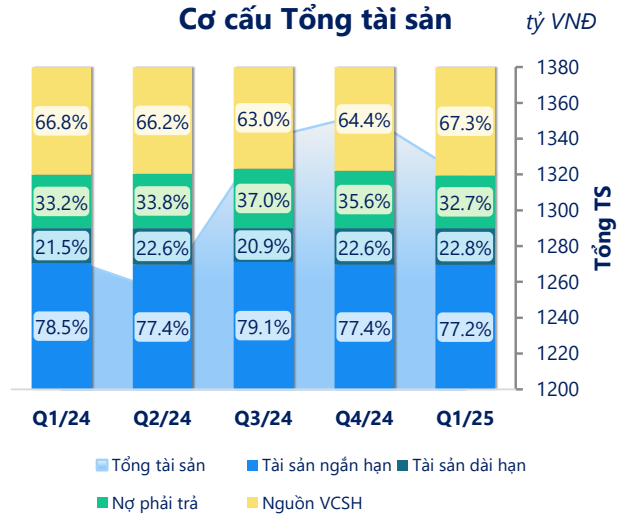
+/- YoY: ▼ 8.1%

Kết quả kinh doanh



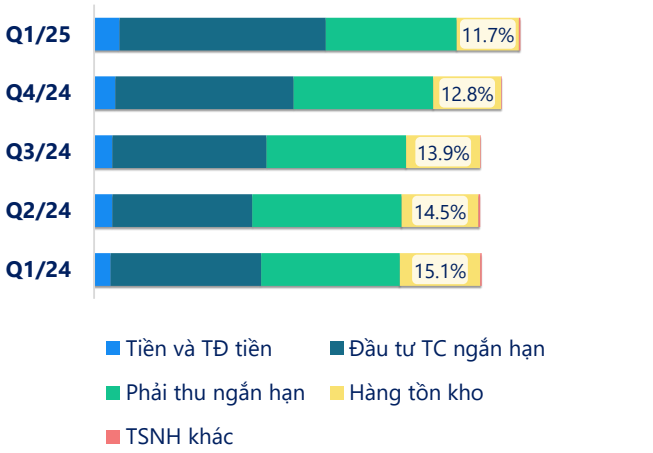
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



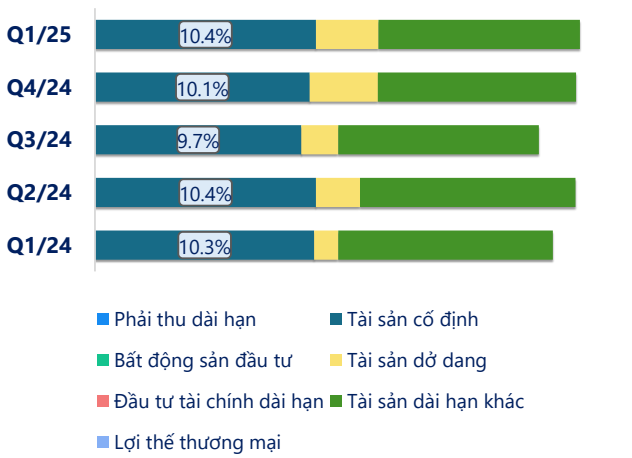
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



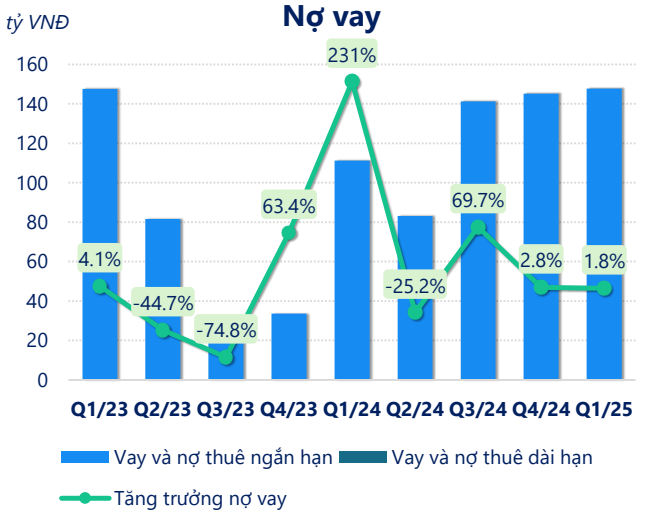
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



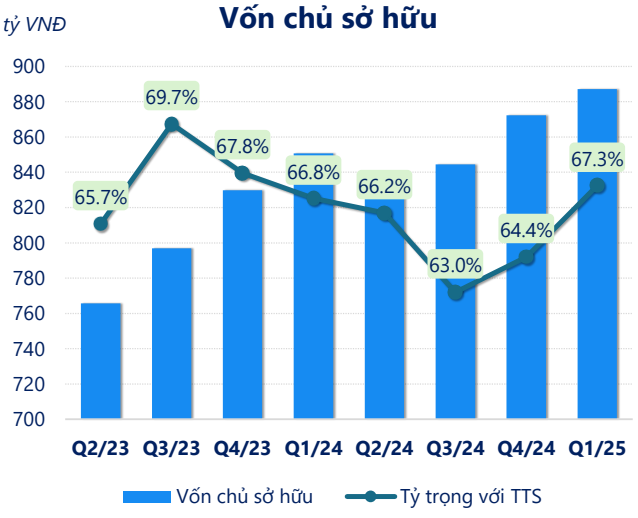
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



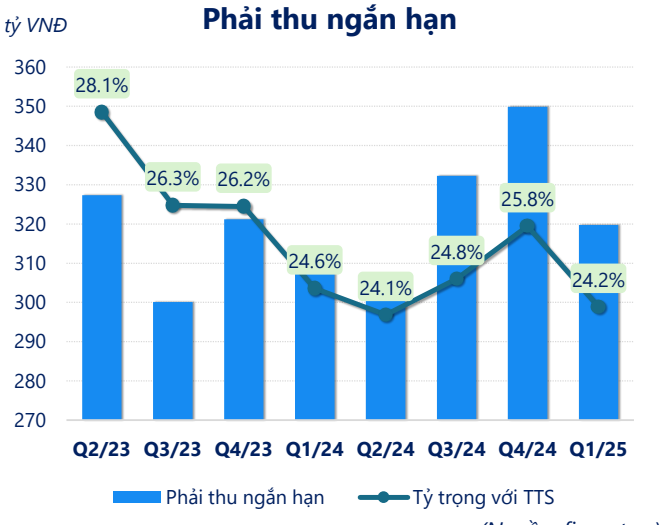
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



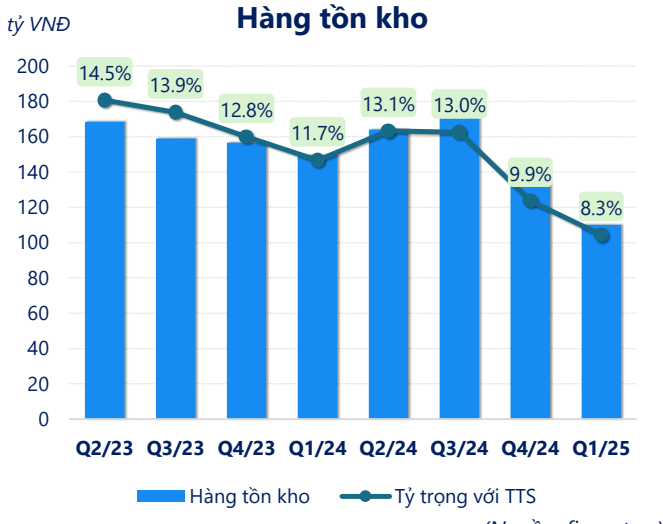
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



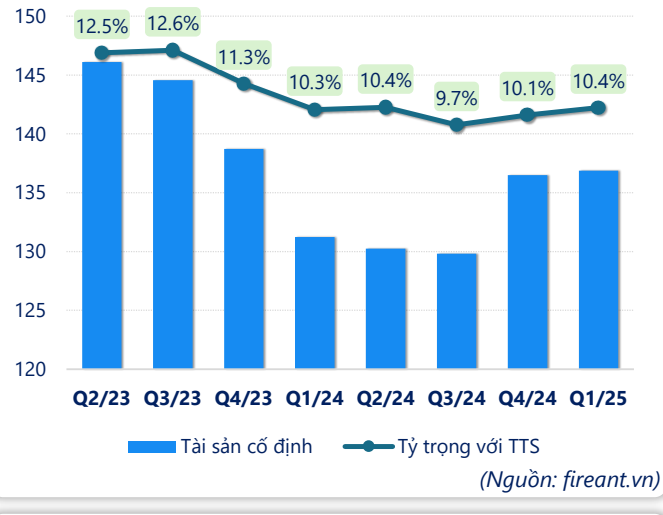
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



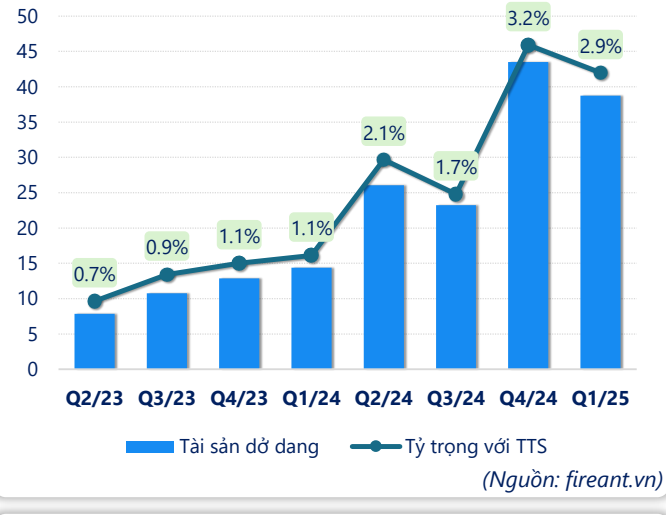
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



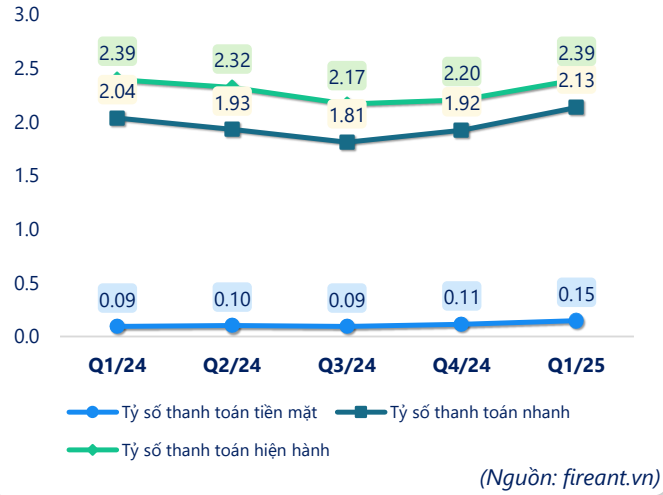
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



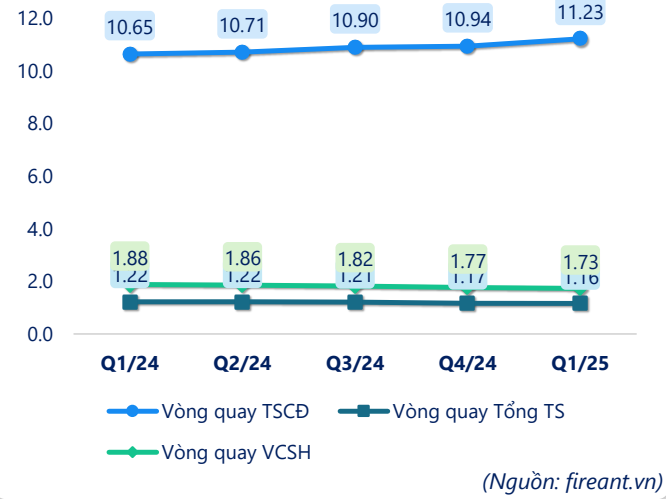
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,274**	**1,255**	**1,340**	**1,354**	**1,319**
Tài sản ngắn hạn	**1,000**	**971**	**1,060**	**1,047**	**1,018**
Tiền và tương đương tiền	39.2	43.0	45.9	53.8	62.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	495	459	506	507	521
Phải thu ngắn hạn	314	302	332	350	320
Hàng tồn kho	149	164	174	134	110
Tài sản ngắn hạn khác	2.95	2.68	2.24	2.56	4.25
Tài sản dài hạn	**274**	**283**	**280**	**306**	**301**
Phải thu dài hạn	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10
Tài sản cố định	131	130	130	136	137
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	14.4	26.1	23.2	43.5	38.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	129	127	126	126	125
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**424**	**424**	**495**	**481**	**432**
Nợ ngắn hạn	**418**	**419**	**489**	**475**	**425**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	111	83.2	141	145	148
Phải trả người bán ngắn hạn	269	288	294	282	243
Nợ dài hạn	5.66	5.69	5.68	6.15	6.14
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**851**	**830**	**844**	**872**	**887**
Vốn chủ sở hữu	**851**	**830**	**844**	**872**	**887**
Vốn điều lệ	128	128	128	128	128
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)